

Ngành: Tiêu dùng- bán lẻ | BSC RESEARCH

KHUYẾN NGHỊ		CTCP ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG - (HSX: MWG)			
		MUA	BƯỚC ĐẦU THU TRÁI NGỌT		
Giá hiện tại:	58,300	Ngày viết báo cáo:	6/5/2024	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
Giá mục tiêu trước:	55,000	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	1,463	CTTNHH TVĐT TG Bán lẻ	10.5%
Giá mục tiêu mới:	69,300	Vốn hóa (tỷ VND)	85,249	Nhóm quỹ ngoại DC	7.94%
Tỷ suất cổ tức	N/A	Thanh khoản BQ 30n (Triệu):	3.018	Arisaig Asean Fund Limitei	4.99%
Tiềm năng tăng giá	+19%	Sở hữu nước ngoài	47%	Nguyễn Đức Tài	2.4%

Bộ phận Research:

Phạm Thị Minh Châu
(Ngành Tiêu dùng – bán lẻ)
Chauptm@bsc.com.vn

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** cổ phiếu **MWG** với giá mục tiêu trung hạn = **69,300 VNĐ/CP** (Upside +19% so với giá đóng cửa ngày 6/5/2024) dựa trên PP SOTP. Chúng tôi nâng +26% với báo cáo trước đó nhờ điều chỉnh dự trên KQKD TGDĐ+ĐMX tích cực hơn kì vọng.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ (tham khảo báo cáo gần nhất)

- **KQKD 2024E** kỳ vọng phục hồi tích cực +2,115%YoY từ (1) TGDĐ+ ĐMX: cải thiện biên hoạt động từ 3.6% lên 5% và (2) BHX có có lãi tại mức biên lợi nhuận hoạt động +0.4%.

- Hai nút thắt trong định giá của MWG dần được gỡ bỏ khi

- TGDĐ+ ĐMX duy trì xu hướng phục hồi doanh thu và biên lợi nhuận.
- BHX kì vọng có lãi trong 2024 và nhân rộng mô hình kinh doanh

CATALYST: Kỳ vọng Quốc hội thông qua tờ trình tiếp tục giảm thuế giá trị gia tăng 2% trong 6 tháng cuối năm 2024.

CẬP NHẬT TÀI LIỆU ĐHCĐ NĂM 2024 (link)

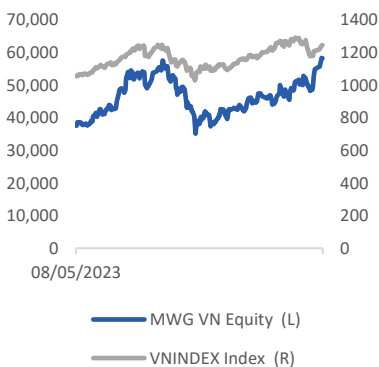
- Công ty đặt kế hoạch năm 2024: biên lợi nhuận TGDĐ+ĐMX kỳ vọng hậu tái cấu trúc và BHX đạt lợi nhuận tại cấp độ công ty
- Hình thức phân phối lợi nhuận thông qua trả cổ tức bằng tiền 5% mệnh giá và mua lại cổ phiếu quỹ
- Mục tiêu ESOP 2024 kết hợp giữa (i) tăng trưởng lợi nhuận và (ii) diễn biến thị trường chứng khoán.

KQKD Q1/2024 – TÍCH CỰC VƯỢT KÌ VỌNG

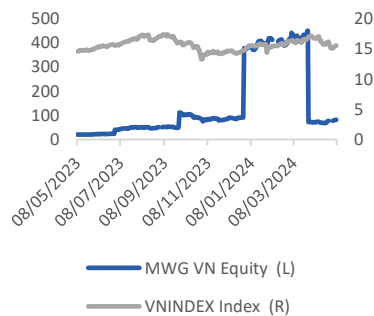
DTT và LNST tăng trưởng +16%YoY và 4,143%YoY nhờ (1) biên lợi nhuận TGDĐ+ĐMX phục hồi từ 2.5% lên 6.07% (2) BHX giảm lỗ xuống và (3) tăng trưởng thu nhập tài chính nhờ quản trị hiệu quả dòng tiền hoạt động và dòng tiền từ hoạt động Phát hành riêng lẻ cổ phần của BHX.

RỦI RO: Rủi ro từ hoạt động kinh doanh kém khả quan hơn kì vọng

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E và VN index



Chỉ số	2022	2023	2024	VNIndex
PE (x)	21	509	23	16
PB (x)	3.6	3.7	3.0	2.6
ROE (%)	7%	0%	6%	8%
ROA (%)	17%	1%	13%	17%

KQKD	2022	2023	2024	2025F
Doanh thu thuần	133,405	118,280	131,734	141,485
Lợi nhuận gộp	30,782	22,521	26,633	29,032
NPATMI	4,100	168	3,714	5,525
EPS	2,801	115	2,537	3,724

CẬP NHẬT TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2024

Điểm nhấn: (tham khảo [link](#))

- (1) Công ty đặt kế hoạch năm 2024: biên lợi nhuận TGDĐ+ĐMX kỳ vọng hậu tái cấu trúc và BHX đạt lợi nhuận tại cấp độ công ty
- (2) Hình thức phân phối lợi nhuận thông qua trả cổ tức bằng tiền 5% mệnh giá và mua lại cổ phiếu quỹ
- (3) Mục tiêu ESOP 2024 kết hợp giữa (i) tăng trưởng lợi nhuận và (ii) diễn biến thị trường chứng khoán.

Quan điểm: BSC duy trì quan điểm tích cực về triển vọng KQKD 2024 của MWG. Trong đó: doanh nghiệp cũng đang thực hiện đúng cam kết về phân bổ lợi nhuận như đã cam kết với cổ đông trong AM tháng 2/2024 và gắn lợi ích của ban lãnh đạo với lợi ích của cổ đông thông qua các yêu cầu ESOP phù hợp với bối cảnh thị trường.

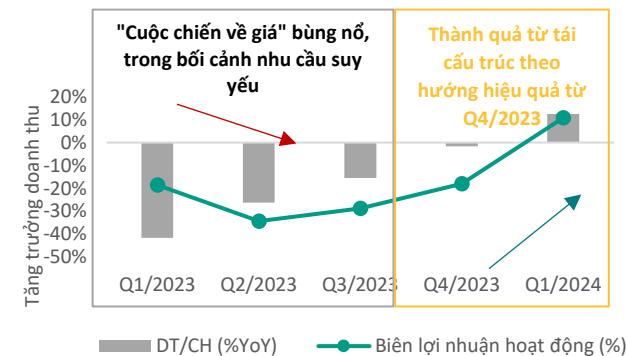
SO SÁNH QUAN ĐIỂM VỀ KQKD Q1/2024 VỚI BÁO CÁO 4/3/2024 [\(link\)](#)

Điểm nhấn: (1) Biên lợi nhuận TGDĐ và Điện máy xanh vượt xa kì vọng và (2) hoàn tất thương vụ phát hành riêng lẻ 5% cổ phần của BHX.

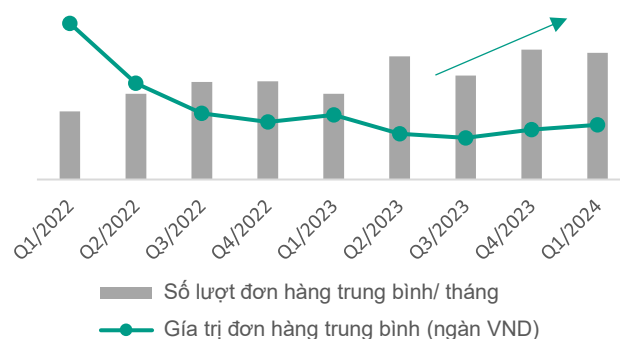
Cơ cấu doanh thu	Q1/2024	Q1/2023	%YoY	So sánh quan điểm BSC với báo cáo trước (link)
TGDĐ	5,813	5,707	2%	Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng vượt kì vọng đạt +4143%YoY cao hơn mức dự phóng của BSC trong báo cáo trước đó +2500% YoY nhờ
%Tỷ trọng	18%	21%		
ĐMX	14,547	13,306	9%	
%Tỷ trọng	46%	49%		
BHX	9,163	6,370	44%	(1) TGDĐ+ĐMX: tăng trưởng khả quan về cả DT và biên lợi nhuận vượt xa kì vọng của BSC
%Tỷ trọng	29%	24%		
	Q1/2024	Q1/2023	%YoY	(ii) biên lợi nhuận hoạt động đạt mức 6.07% so với mức +3.6% của BSC nhờ cấu trúc danh mục tận dụng hiệu quả nhu cầu thị trường, tối ưu hoá chi phí hoạt động và các khoản hỗ trợ từ nhà cung cấp
Doanh thu thuần	31,486	27,106	16%	(2) BHX: Tiếp tục tăng trưởng về mặt doanh thu và ghi nhận dòng tiền từ hoạt động phát hành riêng lẻ 5%
Lãi gộp	6,713	5,215	29%	
GPM	21.3%	19.2%		
Chi phí bán hàng	(4,821)	(4,785)	1%	
Chi phí QLDN	(868)	(325)	167%	(i) DTT +44% YoY tương đương hơn kì vọng BSC +43%YoY nhờ cải thiện giá trị đơn hàng so với cùng kì
SG&A/Rev	18.1%	18.8%		(ii) biên lợi nhuận sau thuế đạt mức -1.2% - tại mức đủ bù đắp các chi phí hoạt động ngoại trừ chi phí tăng/giảm diện tích cửa hàng từ trước 2022 (sẽ giảm dần theo thời gian).
Lợi nhuận HĐKD	1,023	105	873%	Mức biên lợi nhuận thực tế đang thấp hơn mức ước tính hoà vốn của BSC do chiến lược cải thiện tần suất mua hàng và tăng số lượng hoá đơn trong bối cảnh nhu cầu chưa phục hồi rõ nét như kỳ vọng của BSC
Biên LN HĐKD	3.25%	0.39%		Ngoài ra, Hoạt động phát hành riêng lẻ 5% của BHX giúp MWG tăng hơn 1,773 tỷ VND, cải thiện dòng tiền hoạt động, đảm bảo nguồn vốn mở rộng chuỗi BHX trong 2024
Doanh thu tài chính	585	359	63%	
Chi phí tài chính	(375)	(296)	27%	
Thu nhập khác, ròng	(6)	(9)	-34%	
LNTT	1,206	159	659%	
LNST	903	21	4143.3%	
Biên LNST	2.87%	0.08%		

Nguồn: BSC research, MWG

Hình 1: TGDĐ+DMX – KQKD chứng minh hiệu quả hậu tái cấu trúc



Hình 2: DT/CH BHX duy trì đà tăng: Q1/2024 về +40% YoY Số lượt đơn hàng trung bình/ tháng và cải thiện giá trị đơn hàng



Nguồn: BSC research, Fiinpro

QUAN ĐIỂM VỀ DỰ PHÓNG KQKD 2024 VÀ ĐỊNH GIÁ

Điểm nhấn: Quan điểm nâng định giá đến từ triển vọng kết quả kinh doanh TGDĐ+DMX tốt hơn kì vọng sau báo cáo Q1/2024 nhờ vào đòn bẩy từ việc tối ưu hóa chi phí hoạt động sau giai đoạn tái cấu trúc

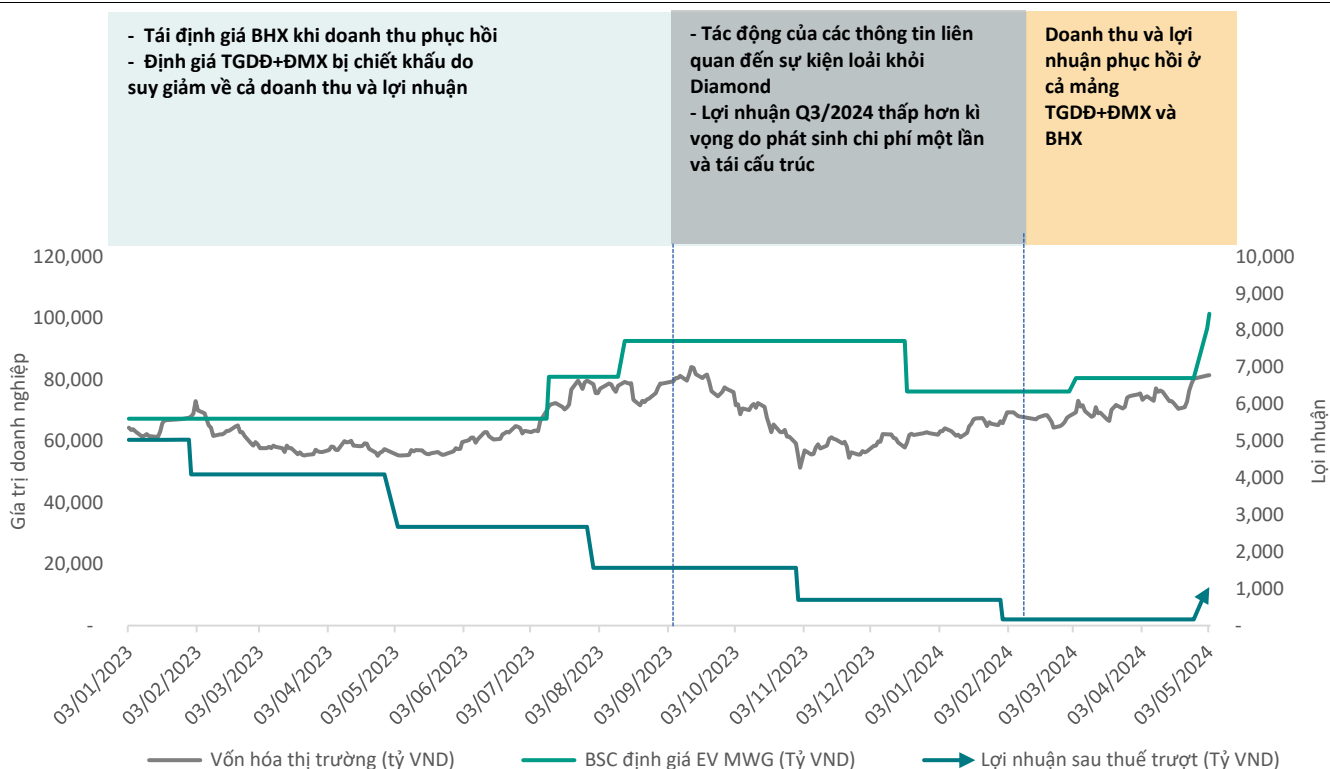
Chi tiết điều chỉnh kết quả kinh doanh 2024 so với dự phóng trước

		2022	2023F	2024F	Điều chỉnh	Quan điểm
TGDĐ+ĐMX	DT/CH	2.68	2.07	2.29	8.0%	- Cơ cấu sản phẩm phù hợp với điều kiện thị trường, quản trị hiệu quả hàng tồn kho trong bối cảnh nhu cầu phục hồi - Phát huy hiệu quả từ tái cấu trúc cửa hàng, tối ưu hóa chi phí hoạt động
	%YoY	-9%	-23%	11%		
	Biên LNHD (%)	8%	2.5%	5.5%		
BHX	DT/CH	1.18	1.54	1.87	3.6%	- Duy trì đà tăng trưởng doanh thu - Điều chỉnh thận trọng về khả năng tối ưu hoá chi phí và nhân rộng mô hình hoạt động.
	%YoY	-4%	31%	22%		
	SLCH	1,728	1,698	1,756	-0.7%	
	Thay đổi (+/-)	-18%	-2%	3%		
	Biên LNHD (%)	-11%	-3%	0.4%		
Dòng tiền từ hoạt động phát hành cổ phiếu của BHX						- Đóng góp hơn 1,773 tỷ VND, nhằm hỗ trợ dòng tiền hoạt động và thực hiện nhân rộng số lượng cửa hàng BHX
		2023	2024E	% điều chỉnh (2024F)	2025F	% điều chỉnh (2025)
DTT		118,280	131,734	6%	141,485	6%
%YoY		-11%	11%	0%	7%	0%
GPM		19%	20%	0%	21%	0%
Biên EBIT		0%	3%	1%	4%	1%
Doanh thu tài chính		2,167	1,977	0%	2,055	-3%
Chi phí tài chính		(1,556)	(1,360)	-9%	(1,134)	0%
LNTT		690	4,817	51%	6,730	39%
LNST-LICĐTS		168	3,714	48%	5,451	35%
Biên LNST		0%	3%	1%	4%	1%
%YoY		-11%	11%	0%	7%	0%

Nguồn: BSC research, Fiinpro

Dựa trên những quan sát xuyên suốt của BSC giai đoạn hậu tái cấu trúc, hướng đến hiệu quả của MWG năm 2023-đầu năm 2024, thì chúng tôi nhận thấy rằng KQKD của MWG biến động nhanh và phức tạp dẫn tới biến động lớn trong định giá cổ phiếu và kì vọng thị trường xoay quanh 2 câu hỏi lớn về kì vọng **(1) TGDĐ+ĐMX ghi nhận tăng trưởng doanh thu và cải thiện biên?** **(2) BHX: tái định giá, KQKD có lãi và nhân rộng cửa hàng?**

Hình 3: Định giá MWG thay đổi phụ thuộc vào diễn biến kết quả kinh doanh



(*) BHX: quan điểm tăng định giá khi KQKD có lãi và nhân rộng mô hình hiệu quả.

Nguồn: BSC research, Fiinpro

Kết hợp với bối cảnh thị trường và KQKD Q1/2024, chúng tôi nhận định rằng

- (i) Tiềm năng tăng giá chính giai đoạn này đến từ việc cải thiện doanh thu và biên lợi nhuận hoạt động của TGDĐ+ĐMX vượt kì vọng, nhưng mức độ biến động biên lợi nhuận lớn so với cùng kì đã đặt ra những quan ngại về độ ổn định. **Do đó, chúng tôi đã xây dựng các kịch bản nhằm lượng hóa tác động của thay đổi biên lợi nhuận hoạt động của TGDĐ+ĐMX tới định giá của MWG.**
- (ii) Đối với định giá hiện tại của BHX đang ở mức hợp lý, đã phản ánh xu hướng tăng trưởng doanh thu và tái định giá thông qua thương vụ bán vốn 5% trong Q1/2024. Do đó, Chúng tôi duy trì quan điểm định giá mảng kinh doanh này tương đương báo cáo trước và tiềm năng tăng định giá đến từ khả năng có lãi và mở rộng chuỗi vào 2H/2024

Chi tiết bảng phân tích độ nhạy giữa định giá cổ phiếu và biên lợi nhuận của TGDĐ và ĐMX

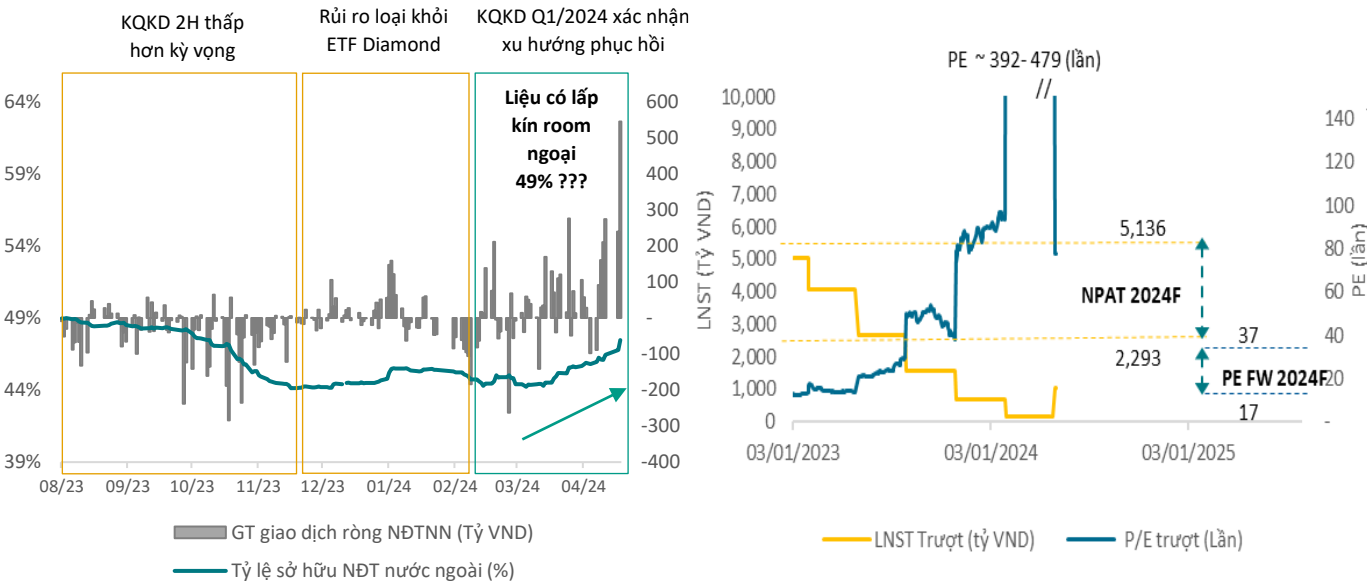
Giá định xuyên suốt					
TGDĐ+ĐMX					
Tăng trưởng doanh thu (%)	6.4%				
BHX					
Tăng trưởng doanh thu (%)	23%				
Biên lợi nhuận hoạt động (%)	0.4%				
Kịch bản	Thận trọng 2	Thận trọng 1	Cơ bản	Lạc quan 1	Lạc quan 2
Độ nhạy về biên lợi nhuận TGDĐ+ĐMX	3.5%	4.9%	5.5%	6.1%	7.5%
TGDĐ+ĐMX	3,120	4,396	4,896	5,396	6,673
BHX	159	159	159	159	159
Lợi nhuận khác, Ròng	(238)	(238)	(238)	(238)	(238)
EBT	3,041	4,317	4,817	5,317	6,594
NPAT	2,293	3,314	3,714	4,114	5,136
%YoY	1,268%	1,877%	2,115%	2,354%	2,963%
PE FW	37	26	23	21	17
Định giá					
TGDĐ+ĐMX	31,946	45,019	50,137	55,256	68,329
BHX	42,949	42,949	42,949	42,949	42,949
Đóng góp khác	8,316	8,316	8,316	8,316	8,316
EV (Tỷ VND)	83,210	96,283	101,402	106,520	119,593
Giá mục tiêu (VND/CP)	56,900	65,800	69,300	72,800	81,800
Upside (%)	-2%	13%	19%	25%	40%
Giá hiện tại (VND/CP)	58,300				

Nguồn: BSC research, Fiinpro

THỊ TRƯỜNG ĐANG DẪN PHẢN ÁNH SỰ PHỤC HỒI CỦA KQKD – CHU KỲ TĂNG TRƯỞNG MỚI MỞ RA

Hình 4: NĐT ghi nhận mua ròng kỷ lục 2,506 tỷ từ T3/2024 so với mức bán ròng 314 tỷ trong 2T đầu năm 2024.

Hình 5: Giá định kịch bản cơ bản, NPAT 2024FWD = 3,714 tỷ đồng, MWG đang giao dịch ở mức P/E FWD = 23 lần.



Nguồn: BSC research, Fiinpro

- Tính đến ngày 5/6/2024, MWG đã ghi nhận diễn biến giá cổ phiếu lạc quan **(+16.8% so với ngày công bố danh mục cổ phiếu thành phần của Chỉ số VN DIAMOND tháng 4/2024)**, so với mức hiệu suất khoảng gần 2% của VN-Index, không chịu tác động quá lớn trước tác động của sự kiện cơ cấu danh mục VNDiamond.
- Trong khi đó, lũy kế từ 01/03/2024 đến nay, khối nhà đầu tư nước ngoài ghi nhận mức mua ròng kỷ lục **2,506 tỷ đồng so với mức bán ròng 314 tỷ đồng** trong 2T đầu năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tăng đã tăng từ mức đáy 44.1% lên mức 47.1%.
- Với việc KQKD Q1/2024 đã xác nhận xu hướng phục hồi đưa định giá PE FW 2024 về mức hợp lý quanh 12-36 lần, MWG chỉ còn khoảng 20 triệu room cho NĐT nước ngoài, tương đương khoảng 3% tỷ lệ sở hữu, **BSC kỳ vọng lượng cổ phiếu hở room còn lại sẽ sớm được hấp thụ trong thời gian sắp tới**, qua đó có thể xảy ra hiện tượng Mua với giá thặng dư (Premium) như giai đoạn quá khứ trước đó. Điều này cũng sẽ là điều kiện cần để cổ phiếu MWG có thể được xem xét quay trở lại bộ chỉ số VN-Diamond trong năm 2025 khi tiêu chí về P/E năm 2024 đạt yêu cầu.

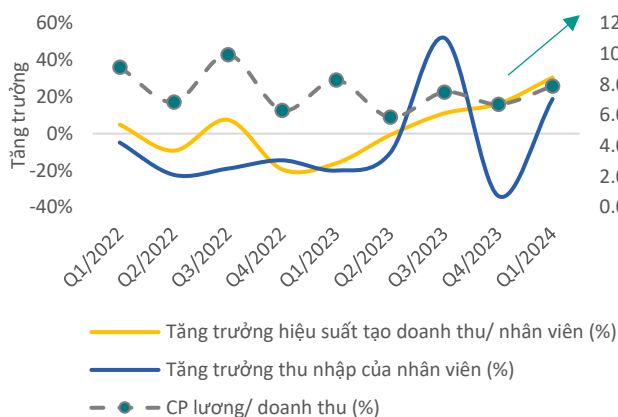
CƠ HỘI ĐÃ ĐẾN KHI GIÓ ĐẢO CHIỀU VÀ QUAN ĐIỂM CỦA CHÚNG TÔI?

Dựa vào những phân tích trên, Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** cổ phiếu **MWG** với giá mục tiêu trung hạn = **69,300 VNĐ/CP (Upside +19% so với giá đóng cửa ngày 6/5/2024)** dựa trên PP SOTP. Chúng tôi tăng +26% upside so với báo cáo trước đó nhằm phản ánh **Chiến lược điều hành theo hướng hiệu quả, bền vững đã chứng minh bằng KQKD Q1/2024**

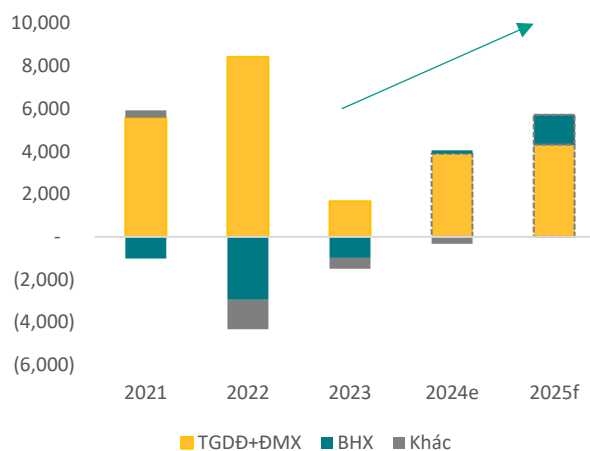
- Hoạt động kinh doanh TGDĐ+ĐMX phục hồi tích cực hơn dự kiến về cả doanh thu và biên lợi nhuận hoạt động +2.4 điểm phần trăm.
- BHX duy trì đà phục hồi và huy động được hơn 1,773 tỷ VND nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, chúng tôi có đề cập đến thuật ngữ hiệu quả bền vững ngụ ý là khả năng tăng hiệu quả hoạt động kết hợp với đãi ngộ nhân viên được cải thiện, củng cố niềm tin về kỳ vọng tăng trưởng của MWG trong trung hạn

Hình 6: Xu hướng cải thiện về hiệu suất kinh doanh của MWG và thu nhập trung bình/ nhân viên



Hình 7: Kỳ vọng lợi nhuận các mảng kinh doanh phục hồi từ 2024.



Nguồn: BSC research, Fiinpro, MWG

PHỤ LỤC

KQKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025	LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	133,405	118,280	131,734	141,485	(Lỗ)/LNST	6,056	690	4,817	6,730
Giá vốn hàng bán	(102,623)	(95,759)	(105,101)	(112,454)	Khấu hao và phân bổ	3,582	3,381	2,926	2,294
Lợi nhuận gộp	30,782	22,521	26,633	29,032	Thay đổi vốn lưu động	761	1,836	(4,067)	(1,275)
Chi phí bán hàng	(21,790)	(20,917)	(19,794)	(20,493)	Điều chỉnh khác	(3,128)	(2,298)	(2,287)	(2,242)
Chi phí QLDN	(2,348)	(1,196)	(2,605)	(2,697)	LCTT từ HĐ KD	7,924	3,438	2,675	6,633
Lãi/lỗ HĐKD	6,644	407	4,233	5,841	Tiền chi mua TSCĐ	(4,412)	(523)	(146)	(468)
Doanh thu tài chính	1,313	2,167	1,977	2,055	Đầu tư khác	6,014	(10,308)	(3,736)	1,000
Chi phí tài chính	(1,383)	(1,556)	(1,360)	(1,134)	LCTT từ HĐ Đầu tư	1,602	(10,831)	(3,882)	-
Chi phí lãi vay	(1,362)	(1,448)	(1,196)	(1,037)	Tiền chi trả cổ tức	(732)	(731)	(732)	(732)
Lợi nhuận từ CTLĐ/LK	-	-	-	-	Tiền từ vay ròng	(8,062)	8,440	(398)	(6,212)
Lãi/lỗ khác	(518)	(328)	(33)	(33)	Tiền thu khác	(8,606)	7,700	1,060	(732)
Lợi nhuận trước thuế	6,056	690	4,817	6,730	LCTT từ HĐ Tài chính	(8,606)	7,700	662	(6,944)
Thuế thu nhập DN	(1,955)	(522)	(1,092)	(1,205)	Dòng tiền đầu kỳ	4,142	5,061	5,366	4,821
LN sau thuế	4,102	168	3,725	5,525	Tiền trong kì	920	306	(545)	221
CĐTS	2	0	12	73	Dòng tiền cuối kỳ	5,062	5,368	4,821	5,042
LNST - CĐTS	4,100	168	3,714	5,451					
EBITDA	10,233	3,794	7,165	8,141					
EPS	2,801	115	2,537	3,724					

CĐKT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025	Chỉ số (%)	2022	2023	2024	2025
Tiền và tương đương tiền	5,061	5,366	4,821	5,042	Hố TT ngắn hạn	1.72	1.69	1.93	1.92
Đầu tư ngắn hạn	10,059	18,937	22,673	21,673	Hố TT nhanh	0.70	0.96	1.10	1.06
Phải thu ngắn hạn	3,072	5,159	6,473	6,952	Cơ cấu vốn				
Tồn kho	25,696	21,824	25,034	26,497	Hố Nợ/TTS	0.30	0.42	0.38	0.29
TS ngắn hạn khác	743	661	736	791	Hố Nợ/VCSH	0.69	1.08	0.88	0.56
TS ngắn hạn	44,631	51,947	59,738	60,955	Năng lực hoạt động				
TS hữu hình, ròng	9,728	6,500	3,710	1,878	Số ngày HTK	69.6	66.8	68.8	67.8
Khấu hao lũy kế	(11,188)	(13,708)	(17,505)	(19,805)	Số ngày phải thu	8.3	15.8	17.8	17.8
TS dở dang dài hạn	-	-	-	-	Số ngày phải trả	31.1	30.2	29.2	29.2
ĐT dài hạn	241	747	747	747	CCC	46.8	52.4	57.4	56.4
TS dài hạn khác	671	452	452	452	Tỉ suất lợi nhuận				
TS dài hạn	11,203	8,161	5,447	3,615	Lợi nhuận gộp	23.1%	19.0%	20.2%	20.5%
Tổng TS	55,834	60,108	65,185	64,571	Lợi nhuận LNST	3.1%	0.1%	2.8%	3.9%
Nợ phải trả	8,746	7,927	8,412	9,001	ROE	17.1%	0.7%	13.2%	16.6%
Vay ngắn hạn	10,688	19,129	18,629	18,504	ROA	7.3%	0.3%	5.7%	8.4%
Nợ ngắn hạn khác	6,566	3,706	3,754	3,887	Định Giá				
Tổng Nợ ngắn hạn	26,000	30,762	30,978	31,731	PE	20.82	509.00	22.98	15.66
Vay dài hạn	5,901	5,985	6,087	-	PB	3.57	3.66	3.03	2.60
Nợ dài hạn khác	-	-	-	-	Tăng trưởng				
Tổng Nợ dài hạn	5,901	5,985	6,087	-	Tăng trưởng DTT	8.5%	-11.3%	11.4%	7.4%
Tổng Nợ	31,902	36,747	37,065	31,731	Tăng trưởng EBIT	12.7%	-93.9%	9.40	0.38
Vốn góp	14,639	14,634	14,639	14,639	Tăng trưởng LNTT	-6.4%	-88.6%	598.4%	39.7%
Thặng dư vốn cổ phần	558	558	1,592	1,592	Tăng trưởng EPS	-16.3%	-95.9%	21.15	0.47
LN chưa phân phối	8,724	8,160	11,138	15,851					
Vốn chủ khác	-	-	-	-					
Cổ đông thiểu số	-	-	753	753					
Tổng Vốn chủ sở hữu	23,918	23,346	28,120	32,839					
Tổng nguồn vốn	55,820	60,093	65,185	64,571					
Số lượng cổ phiếu lưu hành	1,464	1,464	1,464	1,464					

Nguồn: BSC Research.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

